

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 01-6-2022

V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1/- Bà Phạm Thị Hồng Cúc

2/- Ông Nguyễn Kiên Hiền

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quốc Thông – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Mộng Điệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 6 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 292/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà A, sinh năm 1975

Địa chỉ: Đường G, Phường H, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông B, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường P, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn ly hôn đề ngày 23/3/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà A trình bày:

Bà và ông B sau một thời gian gặp gỡ, quen biết thì bắt đầu nảy sinh tình cảm. Đến năm 2018, cả hai quyết định tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường H, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 117 ngày 19/12/2018.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Đường P, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu chung sống, cuộc sống hòa thuận và hạnh phúc tuy có những xích mích nhỏ. Đến năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến hay cãi nhau, có lúc ông B còn bạo hành bà nhưng bà không bị

thương tích gì nghiêm trọng. Việc bạo hành trong hôn nhân bà không thể chịu đựng và chấp nhận được, vì vậy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, bà không còn tình cảm gì với ông B. Bà và ông B đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2020 cho đến nay. Từ khi ly thân, bà và ông B không còn liên lạc, không quan tâm chăm sóc gì nhau nữa. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà A: Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn ông B: Vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án, nhận thấy các yêu cầu của nguyên đơn bà A là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn bà A yêu cầu ly hôn với bị đơn ông B có nơi cư trú tại Quận 3. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

[1.2.1]. Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 12/5/2022, nguyên đơn bà A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không có sự tham gia của Bà. Qua đó, Bà xác định: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông B. Về con chung: Không có. Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vắng mặt bà A.

[1.2.2]. Bị đơn ông B đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành xét xử vắng mặt ông B.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A:

Bà A và ông B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/12/2018 tại Ủy ban nhân dân Phường H, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 117. Vì vậy, căn cứ vào Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân của bà A là hôn nhân hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

[2.1]. Về yêu cầu ly hôn:

Trong thời gian vợ chồng còn chung sống, bà A và ông B có nhiều mâu thuẫn dẫn đến hay cãi nhau, ông B có hành vi bạo lực gia đình đối với bà A. Việc bạo hành trong hôn nhân bà A không thể chịu đựng và chấp nhận được cho nên bà đã dọn ra ngoài sinh sống từ tháng 4/2020 cho đến nay. Kể từ thời điểm đó, bà không liên lạc gì với ông B nữa, mạnh ai nấy sống không quan tâm gì đến nhau. Do đó, để ổn định cuộc sống, bà A yêu cầu được ly hôn ông B.

Xét lời trình bày của bà A, Hội đồng xét xử xét thấy: Đã một thời gian dài bà và ông B mỗi người sống một nơi không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, điều này cho thấy mối quan hệ vợ chồng giữa bà và ông B không thỏa được điều kiện mà luật đã quy định, cụ thể tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định như sau: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau.....”*. Mặt khác, ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến Tòa án để trình bày ý kiến nêu nguyện vọng của mình, chứng tỏ ông B không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình: *“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được....”*. Hội đồng xét xử xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa bà A và ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không có nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, bà A yêu cầu được ly hôn với ông B là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2]. Về yêu cầu nuôi con: Trong quá trình chung sống, bà A và ông B không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Bà A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà A được ly hôn ông B.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà A phải chịu và được tính trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu số 0033041 ngày 08/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà A đã nộp đủ án phí.

3/. Về quyền kháng cáo: Bà A, ông B được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- UBND P.H, Q.K;
- Dương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ánh Phượng